

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa qua hôn nhân của người Mường

(Nghiên cứu trường hợp người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk)^(*)

Võ Thị Mai Phương^(**)

Tóm tắt: Hôn nhân là một trong những thiết chế xã hội phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa tộc người. Hôn nhân luôn tuân thủ các nghi lễ và tập quán truyền thống của dân tộc và đôi khi trở thành những chuẩn mực trong quan hệ xã hội. Tuy nhiên, hôn nhân không phải lúc nào cũng nhất thành bất biến mà nó luôn luôn biến đổi và thích nghi với điều kiện mới, hôn nhân của người Mường cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

Dưới tác động của điều kiện kinh tế-xã hội hiện nay, hôn nhân của người Mường một mặt vẫn giữ được những quy định của phong tục tập quán truyền thống, mặt khác cũng chịu ảnh hưởng và tiếp thu một cách có chọn lọc các yếu tố văn hóa mới. Tục cưới xin của người Mường ở Việt Nam nói chung và ở Hòa Bình, Đắk Lắk nói riêng là một nét văn hóa đặc sắc, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành, phát triển gia đình, dòng tộc người Mường. Vì vậy, muốn bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống của người Mường qua hôn nhân thì trước hết cần đưa ra các phương án để gìn giữ các giá trị được coi là tốt đẹp và phù hợp với thời đại.

Từ khóa: Bảo tồn văn hóa, Người Mường, Hôn nhân, Hòa Bình, Đắk Lắk

Người Mường (còn có tên gọi Mol, Mual, Moi) là một trong số 54 dân tộc của Việt Nam, có dân số hơn một triệu người. Người Mường có cùng nguồn gốc với người Việt cổ, cư trú ở nhiều tỉnh phía Bắc, tập trung đông nhất ở tỉnh Hòa Bình và một số huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa. Bản sắc văn hóa của tộc người Mường gắn liền với nền văn hóa Hòa Bình ra đời cách đây hơn một vạn năm.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do đặc điểm của quá trình chuyển cư, sự tác động của chính sách xây dựng kinh tế mới, nhất là của quá trình đổi mới đất nước... một bộ phận người Mường ở Hòa Bình đã di cư vào Đắk Lắk để lập nghiệp và sinh sống. Trong bối cảnh cộng cư với nhiều tộc người ở nhiều vùng miền khác nhau, lại chịu sự tác động của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa nên văn hóa của tộc người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk đã có sự giao thoa mạnh mẽ với các tộc người khác. Do vậy, văn hóa của tộc người Mường, trong đó có hôn nhân cũng biến đổi và thích nghi với điều kiện mới.

^(*) Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu Đề tài mã số IV.3-2012.07 do Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) tài trợ.

^(**) TS., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam; Email: phuongvme@gmail.com

Bài viết tiếp cận dưới góc độ chủ thể văn hóa là người Mường ở độ tuổi từ 18 trở lên nhằm nhận diện đúng sự biến đổi về hôn nhân và xu hướng biến đổi của nó. Qua đó góp phần làm sáng rõ những giá trị văn hóa tộc người cần được bảo tồn và phát huy nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời đóng góp cho việc cụ thể hóa và thực thi có hiệu quả Luật Hôn nhân và Gia đình của Nhà nước phù hợp với tộc người Mường ở nước ta nói chung, ở Hòa Bình và Đắk Lắk nói riêng.

1. Thực trạng và quan điểm về bảo tồn các giá trị văn hóa qua hôn nhân của người Mường hiện nay

Quan niệm, điều kiện và tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời

Hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk từ trước tới nay luôn thể hiện rõ các đặc trưng văn hóa tộc người Mường. Những đặc trưng văn hóa đó được phản ánh tập trung trong các quan niệm về hôn nhân, cũng như các bước tiến hành và nghi thức trong tục lệ cưới xin của họ. Cho đến nay, mặc dù đã có những bước đột biến về kinh tế-xã hội, nhưng những yếu tố truyền thống cơ bản trong định chế hôn nhân, cũng như phong tục cưới hỏi vẫn ảnh hưởng lớn đến đời sống của đồng bào. Dưới tác động của các điều kiện kinh tế-xã hội hiện nay, hôn nhân và tục lệ cưới xin của người Mường một mặt vẫn giữ được những quy định của phong tục tập quán truyền thống; mặt khác nó cũng chịu ảnh hưởng và tiếp thu một cách có chọn lọc các yếu tố văn hóa mới. Người Mường quan niệm trai gái lớn lên thì phải dựng vợ, gả chồng, trách nhiệm này là của các bậc cha mẹ đối với tương lai của con cái, cũng như trách nhiệm với tổ

tiên, dòng họ. Ngược lại, việc kết hôn còn thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ cũng như gia đình, dòng họ của mình. Do đó, các bậc cha mẹ luôn mong ước, cố gắng hết khả năng để con cái có được gia đình hạnh phúc, yên ấm. Ngoài ra, còn có sự tương trợ giúp đỡ nhau trong họ hàng, hàng xóm láng giềng thông qua tục hợp tiền, tạo nên sự gắn kết cộng đồng. Nhà giúp rượu, nhà giúp thịt (lợn), nhà giúp gà, nhà giúp gạo, giúp tiền... Sau này các gia đình đó có việc lớn như ma chay, cưới hỏi thì gia chủ sẽ giúp lại.

Theo quan niệm của người Mường, tiêu chuẩn chung khi chọn vợ phải là những cô gái chịu khó, chăm chỉ làm ăn, nói năng nhẹ nhàng, biết làm các công việc đồng áng, biết thêu thùa dệt vải (“xét đàn bà nhìn cạp váy”), thành thạo các công việc nội trợ và ứng xử lễ phép với bố mẹ, anh chị, họ hàng, làng xóm. Nếu làm dâu trưởng thì phải có khả năng đảm đương các công việc trong những ngày lễ tết. Chính vì vậy, cha mẹ thường căn dặn con trai nên chọn vợ là những người phụ nữ có đạo đức tốt, chăm chỉ, sắc đẹp chỉ là một phần: “Đừng tham nón rẻ mà đội trời mưa, đừng tham người đẹp mà thừa việc làm”.

Trước đây, người Mường đặc biệt quan tâm đến môn đăng hộ đối, chỉ có dòng họ quý tộc, nhà lang mới được kết hôn với nhau, còn tầng lớp bình dân thì chỉ kết hôn với tầng lớp bình dân. Việc dựng vợ, gả chồng là do cha mẹ sắp đặt, con cái không có quyền lựa chọn, nhất là con gái. Tuy nhiên hiện nay, các đôi trai gái có thể tự do tìm hiểu bạn đời và hôn nhân hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện. Đa số các bậc cha mẹ đều quan niệm việc kết hôn là xây dựng hạnh phúc cho con cái, nên tự con cái quyết định, bố mẹ không can thiệp sâu vào chuyện của các con. Mặc dù được tự do trong việc tìm hiểu và lựa chọn bạn đời nhưng các bạn

trẻ vẫn hỏi ý kiến bố mẹ trước khi tiến hành kết hôn. “Tôi đi làm trên Thành phố Hòa Bình, gặp vợ tôi bây giờ, thấy thích nhau rồi về báo với bố mẹ, thế là cưới luôn. Thủ tục cưới xin đơn giản vì tôi và gia đình không quan tâm nhiều đến việc xem tuổi tác” (PVS anh Bùi Văn Tích, 34 tuổi, Hòa Bình).

Đám cưới của người Mường hiện nay vừa thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, vừa đan xen những yếu tố văn hóa của đời sống mới. Những yếu tố văn hóa này cũng tùy theo từng thôn, bản, huyện hay vùng sâu, vùng xa và tùy thuộc vào trình độ dân trí của từng người, từng vùng. Theo ý kiến của một số người dân, dù trong hôn nhân có đổi mới như thế nào thì những gì thuộc về bản sắc văn hóa dân tộc cũng không thể thay thế được. Vì đó là những tập quán tốt đẹp, đã trở thành bản sắc văn hóa dân tộc được truyền từ đời này sang đời khác cần được gìn giữ và phát huy.

Điều đáng trân trọng nhất là quan hệ cộng đồng được thể hiện đậm nét qua lễ cưới truyền thống của người Mường. Ở đó có sự ứng xử khéo léo, đề cao các nghi thức trong mối quan hệ con người với con người, con người với xã hội, tạo điều kiện cho đôi vợ chồng trẻ biết tôn trọng nhau và củng cố mối quan hệ chồng vợ bền chặt hơn. Hiện nay trong hôn nhân của người Mường, các yếu tố mang tính cốt lõi liên quan đến phong tục tập quán, tín ngưỡng của họ vẫn còn lưu giữ. Người Mường vẫn phải tiến hành đầy đủ các nghi thức chủ yếu trong lễ hỏi vợ, cúng bái tổ tiên, đưa đón dâu... nhưng được điều chỉnh thích hợp để hình thành nghi thức mới lành mạnh, tiết kiệm hơn.

Các nghi lễ, tập quán hôn nhân

Nếu như trước kia, trai gái người Mường để chính thức trở thành vợ chồng phải trải qua nhiều nghi lễ từ lúc ướm hỏi

cho đến khi tiến hành đám cưới, thì ngày nay tục cưới xin của người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk đã được rút gọn, có nhiều đám cưới gần giống như người Kinh. Mặc dù có nhiều biến đổi trong hôn nhân nhưng khi kết hôn nam nữ thanh niên Mường vẫn phải trải qua các nghi lễ truyền thống như:

Ướm hỏi (*kháo thếng*) là khâu đầu tiên của nghi lễ kết hôn, khi chọn được ngày lành, tháng tốt, nhà trai nhờ ông mối sang thưa chuyện với nhà gái. Trước đây, trong nghi lễ này ngoài rượu trắng còn phải có hai cây mía - biểu tượng cho hạnh phúc lứa đôi, không thể tách rời. Tuy nhiên, đối với người Mường di cư vào Đắk Lắk, lễ vật này dần dần ít dùng hơn vì loại cây mía không phù hợp với khí hậu và đất trồng của vùng này.

Lễ bỏ trâu (*ti nôm bánh*) cũng phải chọn được ngày giờ rất kỹ lưỡng. Gia đình nhà trai mang lễ vật sang nhà gái để bàn bạc việc hôn lễ, gồm: 2 con gà, 2 chai rượu, trâu cau và bánh chưng. Với người Mường, bánh chưng là lễ vật không thể thiếu, bắt buộc là loại bánh không nhân để thể hiện cô gái đó còn trong trắng, chưa có gia đình.

Lễ xin cưới (*nôm khẩu*): “Trong nghi lễ này, ông mối cũng là người đại diện cho gia đình nhà trai sang nhà gái bàn bạc và xin hẹn ngày cưới. Trước đây, nhà trai phải mang sang nhà gái khá nhiều lễ vật: 1 con lợn khoảng 50kg, 10 chai rượu, 2 con gà trống thiến, 20-40 bánh chưng, 10m vải sợi bông tự dệt, 20 lá trâu, 1 buồng cau...” (PVS ông Bùi Văn Niệm, 72 tuổi, Hòa Bình). Gia đình nhà trai cử 6-8 thanh niên khiêng lễ vật sang nhà gái. Tại đây, gia đình nhà trai chính thức thông báo ngày giờ đến đón dâu.

Lễ cưới (*ti cháu*) thường diễn ra vào những tháng cuối năm hoặc tháng giêng,

trong khoảng 4-5 ngày. Trong ngày đầu tiên, ông mới dẫn đầu đoàn nhà trai khoảng 20-30 người mang lễ vật sang nhà gái tổ chức cưới. Ngày thứ hai, thứ ba đi đón dâu và đưa dâu về, ngày cuối cùng tiếp họ hàng bên ngoại.

Lễ đón dâu (*ti du*): Ngày xin rước dâu, nhà trai cử một bà mẹ dâu dắt cô dâu từ ngoài đường vào nhà, đến chân cầu thang (hoặc bậc thềm), bà mẹ múc nước rửa chân cho cô dâu. Cô dâu phải lạy vua bếp (ông táo) với ý nghĩa về làm dâu nhà chồng trông nhờ vào ông vua bếp chỉ bảo để lo cơm canh cho gia đình chồng được êm ấm, hạnh phúc. “Sau lễ cưới 3 ngày, cô dâu, chú rể phải về bên ngoại để làm lễ lại mặt. Lễ vật gồm 24 cái bánh chưng, 1 chai rượu, 1 con gà. Trường hợp ở rể, các nghi lễ vẫn diễn ra đầy đủ đến khi đưa cô dâu về nhà chồng, sau lễ lại mặt thì con rể mới sang ở hẳn bên gia đình nhà vợ” (PVS ông Bùi Văn Hữu, 50 tuổi, Đắk Lắk).

Do tác động của lối sống hiện đại, sự giao lưu văn hóa và những quy định của cuộc vận động “Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, nghi thức trong lễ cưới truyền thống của người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk đã được rút ngắn và đơn giản hơn trước. Trước đây, đám cưới thường kéo dài khoảng 3 ngày (có khi 4 đến 5 ngày), ăn uống linh đình, gây tốn kém. Ngày nay, thời gian tổ chức đám cưới chỉ diễn ra trong 1 ngày, xu thế hai gia đình ăn chung tại nhà hàng cũng đã phổ biến ở một số gia đình công chức.

Khoảng đầu những năm 2000, đám cưới của người Mường ở Đắk Lắk vẫn còn mặc trang phục truyền thống, cô dâu mặc bộ váy áo người Mường, đội khăn Mường, nhưng những năm gần đây họ đã chuyển sang mặc quần áo cưới thuê tại các cửa hàng ở phố huyện. Hiện nay, trang phục trong đám cưới của người Mường

hầu như giống với người Kinh, vì theo các bạn trẻ quan niệm, mặc giống người Kinh mới là “hiện đại”. Trước đây, mừng đám cưới chủ yếu bằng hiện vật như gạo, rượu hoặc không mừng gì cả nhưng ngày nay “văn hóa phong bì” cũng đã ảnh hưởng đến nếp sống của người Mường. Những người đến dự đám cưới đều mang phong bì tiền đến mừng cho cô dâu chú rể, số tiền không quy định, tùy thuộc theo kinh tế của từng gia đình.

Có thể nói, thông qua các phong tục tập quán và nghi lễ hôn nhân, chúng ta không chỉ thấy được bức tranh tổng thể về cuộc sống của mỗi gia đình người Mường mà còn thấy được cuộc sống của cả cộng đồng.

2. Nguyên nhân dẫn đến biến đổi hôn nhân của người Mường

Điều kiện cư trú xen cài

“Một trong những nhân tố của sự tiếp xúc giữa các dân tộc là điều kiện cư trú xen cài. Đặc điểm nổi bật của các dân tộc ít người ở các tỉnh phía Bắc là cư trú xen kẽ, nhiều khi rất đậm đặc. Chính do sự cư trú xen cài lâu dài trong lịch sử, văn hóa, các dân tộc ít người ở Việt Nam nói chung vốn có truyền thống đoàn kết gắn bó trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống (kể cả đời sống hôn nhân và gia đình) đã trở thành duyên cớ làm nảy sinh các cuộc hôn nhân hỗn hợp dân tộc” (Đỗ Thúy Bình, 1991, tr.25).

Chính việc cùng cư trú lâu dài trên địa bàn, các dân tộc anh em ngoài trao đổi kinh tế, văn hóa, còn trao đổi hôn nhân lẫn nhau. Chẳng hạn, khi người Mường ở nơi khác di cư vào Đắk Lắk, sinh sống cùng người bản địa, hôn nhân hỗn hợp xảy ra là điều tất yếu. Đặc biệt là với dân tộc Ê đê theo chế độ mẫu hệ, hôn nhân giữa người Mường và tộc người này cũng bị ảnh hưởng bởi đặc điểm văn hóa đó. “Người Mường ở trong đây ít lắm, toàn

người Ê đê là nhiều thôi. Bố mẹ em bảo chỉ cần nó hiền lành, chăm chỉ, không nghiện rượu thì người dân tộc nào cũng lấy được” (PVS chị Lê Thị Hoa, 22 tuổi, Đắk Lắk).

Từ sau năm 1975 đến nay, người Kinh xuất hiện ở vùng người Mường nhiều nên hôn nhân hỗn hợp giữa người Mường với người Kinh cũng chiếm số lượng nhiều hơn các tộc người khác. Trước đây, người Mường chủ yếu kết hôn đồng tộc nhưng ngày nay đã có khá nhiều các cuộc hôn nhân hỗn hợp (Xem: Bảng 1).

Bảng 1: Số liệu đăng ký kết hôn của người Mường tại xã Ea Kao, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

STT	Năm đăng ký	Số cặp vợ chồng đăng ký kết hôn	
		Kết hôn nội tộc Mường	Kết hôn giữa người Mường và tộc người khác
1	1978-1990	16 cặp	8 cặp
2	1991-2000	19 cặp	29 cặp
3	2001-2014	92 cặp	156 cặp

Nguồn: UBND xã Ea Kao, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, 2014.

Như vậy, có thể nhận thấy hôn nhân hỗn hợp của người Mường tại xã Ea Kao, Tp. Buôn Ma Thuột từ năm 1978 đến năm 2014 ngày càng tăng lên.

Bên cạnh đó, số liệu ở Biểu 1 (trang bên) cũng cho thấy hôn nhân hỗn hợp của người Mường ở xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, nhiều người Mường kết hôn với dân tộc khác, trong đó chủ yếu kết hôn với người Kinh do quá trình cộng cư với nhau.

Việc cư trú xen cài giữa các tộc người trên cùng một địa bàn, cùng với đó là sự giao lưu trong các hoạt động học tập, lao động, tập huấn ... đã tạo điều kiện để các tộc người có thể xích lại gần nhau và xóa dần những khác biệt về mặt văn hóa.

Tác động của các chính sách đổi mới và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa

Từ sau năm 1986, người Mường ở Hòa Bình đã tiếp thu và xây dựng đời sống văn hóa mới, đặc biệt là trong hôn nhân. Nếu như trước đây nam nữ thanh niên hầu như sinh ra, lớn lên và lấy vợ trong làng thì ngày nay thanh niên đã đi học, đi làm ở nhiều nơi trên phạm vi cả nước, thậm chí còn ra cả nước ngoài. Chính sự mở rộng không gian làm việc và học tập là một trong những nguyên nhân giúp các bạn trẻ gần nhau hơn, thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc. “Chồng em là người Kinh ở Tuyên Quang đến đây đi làm công nhân, em và anh ấy quen nhau khi anh ấy đi đám cưới ở trong làng. Bọn em lấy nhau, bố mẹ em cho đất để chúng em xây nhà ở riêng” (PVS chị Bùi Thị Nữ, 26 tuổi, Hòa Bình).

Ngoài ra còn xuất hiện xu hướng đi lao động xuất khẩu ở các nước như Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia... Vì thế, hôn nhân của người Mường không chỉ vượt ra khỏi làng, xã mà còn vượt ra khỏi biên giới quốc gia, lãnh thổ. Những mặc cảm, lo lắng về sự không tương đồng văn hóa như ngôn ngữ, các sinh hoạt vật chất trong cuộc sống thường ngày... đã không còn là rào cản cho các cặp hôn nhân hỗn hợp với người nước ngoài.

Tác động của các yếu tố văn hóa, xã hội

Quá trình giao thoa văn hóa giữa các dân tộc đã tác động tới văn hóa của mỗi dân tộc cả mặt tích cực và tiêu cực. Giao thoa văn hóa góp phần thúc đẩy quá trình

xích lại gần nhau và hiểu biết giữa các dân tộc, đồng thời là tác nhân quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình biến đổi văn hóa truyền thống của các dân tộc, khiến cho nhiều giá trị văn hóa mới thâm nhập ảnh hưởng đến đời sống văn hóa như ngôn ngữ, giáo dục, khoa học, ẩm thực, trang phục,...

Hiện nay, khi đến những vùng người Mường sinh sống, rất khó phân biệt đâu là đồng bào Mường và các dân tộc thiểu số khác. Hầu như trong đám cưới chỉ có cô dâu và chú rể, phù dâu, phù rể là mặc trang phục của dân tộc mình (khi làm lễ). “Em thích mặc váy cưới vì trông nó đẹp, chồng em cũng thích thế. Bọn em chỉ mặc trang phục dân tộc lúc đón dâu thôi, làm lễ xong thì em lại thay váy cưới” (PVS chị Đinh Thị Thỏa, 20 tuổi, Hòa Bình).

Điều này cũng dễ hiểu vì các bạn trẻ hiện nay được giao lưu văn hóa với các vùng miền, qua các phương tiện thông tin đại chúng, sách báo,... cho nên họ có sự lựa chọn giữa cái truyền thống và cái hiện đại cho việc tổ chức lễ cưới của mình. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người theo hướng “hòa nhập” mà không “hòa tan”.

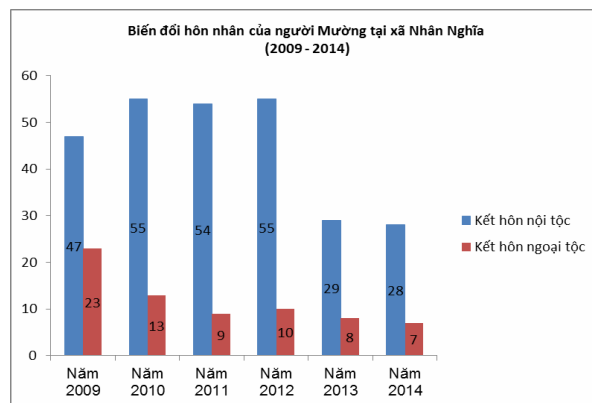
Tác động của các chính sách pháp luật

Một trong những nguyên nhân chính làm thay đổi vai trò của các cá nhân trong hôn nhân tộc người Mường như đã đề cập ở trên là do có sự tác động của các chính sách của Đảng và Nhà nước. Thông qua việc tuyên truyền, vận động thực hiện nếp sống văn hóa, các quy ước làng bản, trong đó có vai trò của các cán bộ hội phụ nữ, thanh niên, người dân đã phần nào nhận thức được các vấn đề liên quan đến hôn nhân.

Trước đây, tình trạng kết hôn của người Mường có trường hợp ở độ tuổi 11, 12 nhưng sau khi có Luật Hôn nhân và Gia đình quy định rất rõ về độ tuổi kết hôn (nữ từ 18 tuổi, nam từ 20 tuổi) thì tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết không còn nữa. Luật Hôn nhân và Gia đình ra đời đã tác động tích cực đến nhận thức của người Mường, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về hôn nhân và gia đình. Thực tế hiện nay, phần lớn thanh niên người Mường kết hôn muộn hơn so với độ tuổi tối thiểu mà Nhà nước quy định, thường là nữ 20-22 tuổi, nam 20-24 tuổi. Nguyên nhân chính tác động đến sự thay đổi này là do thế hệ trẻ nhận thức được việc kết hôn sớm sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống tương lai, hơn nữa thanh niên người Mường ngày càng được đi học nhiều hơn, biết lo lắng cho tương lai và họ đã làm nhiều công việc khác nhau để đảm bảo cho cuộc sống sau khi kết hôn.

Trước xu thế hiện đại hóa, toàn cầu hóa văn hóa của thế giới, nhận thức và suy nghĩ của người Mường cũng đang chịu

Biểu 1: Số liệu kết hôn của người Mường xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình từ năm 2009-2014



Nguồn: UBND xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, 2014.

nhiều tác động trực tiếp. Có lẽ vì vậy, thanh niên Mường nhận thấy vấn đề hôn nhân dựa trên tình yêu và sự tự nguyện là tiến bộ. Việc cha mẹ lựa chọn để dựng vợ, gả chồng cho con không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại và là phong tục gây ra nhiều hệ lụy, đau khổ cho các cặp vợ chồng sống với nhau mà không có tình yêu. Tình cảm, tình yêu đôi lứa của các chàng trai, cô gái ngày nay đã được gia đình, dòng họ tôn trọng và ủng hộ. Hiện nay, bản thân thanh niên người Mường cũng không muốn lấy vợ, lấy chồng sớm như các thế hệ trước. Họ muốn phấn đấu học tập để có trình độ cao hơn, cũng như mong muốn có một công việc tốt hơn. Để tạo nên sự thay đổi này, ngoài nỗ lực của đôi bạn trẻ còn có sự chuyển biến trong nhận thức của cha mẹ hai bên.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới” đã được tuyên truyền, vận động đến từng thôn bản. Đặc biệt trong các buổi sinh hoạt cộng đồng đã lồng ghép tuyên truyền, giáo dục mọi người dân tuân thủ việc kết hôn phải dựa trên sự tự nguyện và tình yêu, được pháp luật công nhận thông qua đăng ký kết hôn, nam đủ 20 tuổi, nữ đủ 18 tuổi mới được lấy vợ, lấy chồng. Đây chính là sự thay đổi nhận thức quan trọng đối với người Mường trước xu thế phát triển của xã hội, họ không chỉ chấp hành theo luật tục mà còn phải sống và thực hiện theo chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Một số khuyến nghị và giải pháp nhằm phát huy các giá trị trong hôn nhân của người Mường

Trong quá trình hội nhập, yếu tố cư trú xen cài giữa các tộc người với nhau khiến cho văn hóa của các tộc người đang ở giữa truyền thống và hiện đại, vô hình chung tự nó đã tạo nên lỗ hổng, trong khi cái cũ còn một số điểm chưa phù hợp, thì

cái mới lại chưa hoàn thiện. Tuy nhiên, cuộc sống càng phát triển thì những yếu tố văn hóa mới sẽ càng du nhập nhiều hơn. Hơn thế nữa, những luồng văn hóa ngoại sinh đang tràn một cách ồ ạt vào chính cuộc sống thường nhật của đồng bào. Vì vậy, văn hóa truyền thống đang có nguy cơ bị mai một nhanh chóng. Trong chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Bảo tồn, chọn lọc, cải tiến, đổi mới những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc; loại bỏ dần trong cuộc sống những hình thức lỗi thời, lạc hậu; nghiên cứu, xây dựng và hình thành dần những hình thức văn minh, vừa giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc, trong việc cưới, việc tang và lễ hội”.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục hiểu biết về văn hóa tộc người, phong tục tập quán nói chung và những quy định có tính pháp luật nói riêng đến người dân, đưa những kiến thức hữu ích và cụ thể vào đời sống. Thực tế cho thấy, trong thời gian qua, công tác này ở các địa phương vẫn bị coi nhẹ, người dân chưa có ý thức và hiểu biết một cách đầy đủ về chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Dựa trên nghiên cứu thực tế ở Hòa Bình và Đắk Lắk về hôn nhân của đồng bào Mường, chúng tôi đề xuất một vài kiến nghị như sau:

- Trước hết cần thay đổi nhận thức của người dân về các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình, khắc phục tư tưởng tự ti về văn hóa tộc người và hướng ngoại đến văn hóa tộc người khác dẫn đến đánh giá không đúng các giá trị văn hóa của dân tộc mình, thậm chí quay lưng với các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là thế hệ trẻ. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng, có lòng tự hào chính đáng về văn hóa truyền thống của cha ông để lại thì

mới có thể bảo vệ và phát huy được giá trị trong xã hội hiện tại.

- Nhà nước cần có những chiến lược đầu tư thỏa đáng về các chiến dịch truyền thông để tuyên truyền, phổ biến các ấn phẩm văn hóa, xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình... bằng tiếng Mường. Ưu tiên phương pháp truyền thông theo nhóm nhỏ, phương pháp dựa vào cộng đồng - những chủ thể văn hóa. Để thực hiện tốt vấn đề này cần có sự chung tay và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, trường thôn/bản.

- Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ người Mường, trang bị cho họ những kiến thức cần thiết cho việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

* * *

Trong quá trình di cư sinh sống cộng cư, cư trú xen cài với các dân tộc ở Hòa Bình và Đắk Lắk, văn hóa người Mường nói chung và hôn nhân nói riêng đã và đang có nhiều thay đổi. Cùng với đó, do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa nên nghi lễ hôn nhân của người Mường đã có nhiều thay đổi, cụ thể là đã tiếp nhận một số yếu tố mới của các nền văn hóa khác, nhất là của người Kinh và dân tộc bản địa nơi người Mường di cư đến.

Những biến đổi trong hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Một mặt, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách lớn nhằm xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa ở khu vực miền núi. Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và Gia đình cũng được áp dụng sâu rộng vào trong đời sống của đồng bào. Mặt khác, cùng với những bước phát triển về kinh tế,

giao lưu với xã hội hiện đại diễn ra thuận lợi hơn, các yếu tố văn hóa mới được truyền bá và tiếp thu theo nhiều chiều. Nhờ vậy, trình độ dân trí của người dân không ngừng được nâng cao. Trong những nguyên nhân đó, sự điều chỉnh của pháp luật và những chuyển biến trong nhận thức của người dân đóng vai trò hàng đầu.

Trong tương lai, hai yếu tố văn hóa truyền thống và hiện đại sẽ cùng tồn tại, đan xen và thúc đẩy nhau cùng phát triển. Tuy nhiên, cho dù hai yếu tố văn hóa này cùng song hành tồn tại nhưng bản sắc văn hóa truyền thống của người Mường thể hiện trong hôn nhân vẫn được giữ gìn và phát huy.

Những nét đặc sắc trong phong tục tập quán trong hôn nhân của tộc người Mường là một kho tàng giá trị nhân văn tạo nên bản sắc văn hóa của người Mường nói riêng và các dân tộc Việt Nam nói chung. Trong bối cảnh hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, xác định mục tiêu, nhiệm vụ “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc” là một quan niệm đúng đắn và cấp thiết. Chúng ta cần có ý thức và trách nhiệm, từ cá nhân đến cộng đồng và toàn xã hội, trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội, ổn định về chính trị, vững về quốc phòng, an ninh, xây dựng đất nước Việt Nam giàu đẹp vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội □

Tài liệu tham khảo

1. Ăng-ghen (1984), *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và vai trò của nhà nước*, trong *Tuyển tập Mác - Ăng-ghen*, Tập 4, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
(xem tiếp trang 62)